TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 04 - 2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Ngọc Bích.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.
Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.
Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 10/04/2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 211/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/03/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị H, sinh ngày 10/06/1985.
Giấy Căn cước công dân số: 036185001068 Cấp ngày: 29/05/2021.
Địa chỉ: Thôn H, xã V, tỉnh Ninh Bình.
Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh ngày 25/04/1985.
Giấy Căn cước công dân số: 036085011727Cấp ngày: 03/04/2019.
Địa chỉ: Thôn H, xã V, tỉnh Ninh Bình.
Tại phiên tòa: Vắng mặt chị H, anh T (chị H có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; anh T vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, nay là xã V, tỉnh Ninh Bình ngày 26/03/2018. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, không hạnh phúc. Chị chủ động sống ly thân anh T từ tháng 04/2021 đến nay. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Quang D, sinh ngày 05/11/2018 và Trần Khánh D1, sinh ngày 10/07/2020. Cháu D đang ở cùng anh T, cháu D1 đang ở cùng chị H. Chị đề nghị giữ nguyện như hiện nay, chị xin nuôi cháu D1, để anh T nuôi dưỡng cháu D. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Năm 2021, chị H và anh T mua thửa đất số 150 thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 176m^2 tọa lạc tại thôn H, xã V, tỉnh Ninh Bình với giá 150.000.000 đồng, thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 387373 ngày 01/4/2021 mang tên anh Trần Văn T và chị Dương Thị H. Về nợ chung chị và anh T có vay em gái ruột chị H là chị Dương Thị N số tiền 40.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có đơn xin rút một phần nội dung đơn khởi kiện ngày 10/03/2026 đối với yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập anh T đến làm việc nhưng anh T vắng mặt không lý do.

3. Kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương thể hiện: Anh Trần Văn T và chị Dương Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định, nay là xã V, tỉnh Ninh Bình ngày 26/03/2018. Quá trình chung sống, anh T và chị H có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T có tính sạch sẽ, gọn gàng ngược lại chị H nhiều khi bận con cái, không dọn dẹp nhà cửa, anh T góp ý thì chi H có những lời lẽ không tôn trọng anh T nên hai bên có bất đồng. Sự việc lặp đi, lặp lại và trở nên trầm trọng, chị H đã chủ động sống ly thân anh T mấy năm nay. Anh, chị đã từng nộp đơn tại Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn, tuy nhiên tình trạng ly thân vẫn kéo dài đến nay, khả năng hàn gắn là khó. Anh T và chị H có 02 con chung là Trần Quang D, sinh ngày 05/11/2018 và Trần Khánh D1, sinh ngày 10/07/2020. Cháu D đang ở cùng anh T, cháu D1 đang ở cùng chị H. Về tài sản chung: Anh T và chị H có tài sản chung là nhà và đất tại thôn H, xã V, tỉnh Ninh Bình. Nguồn gốc nhà, đất là do vợ chồng anh chị tự mua rồi sửa sang lại để ở. Ngoài tài sản chung là nhà, đất ra, chị H, anh T còn tài sản chung, nợ chung gì khác hay không thì địa phương không nắm rõ. Tòa án đã kết hợp cùng địa phương tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T, anh T đã nhận được các văn bản tố tụng, biết việc chị H xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình nhưng do bận công việc nên anh T vắng mặt. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

4. Trong đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trần Quang D, sinh ngày 05/11/2018 trình bày nguyện vọng xin được ở cùng anh Trần Văn T.

5. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Trong quá trình giải quyết vụ án không có đơn yêu cầu độc lập, nhất trí với việc chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện.

6. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ban hành Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại buổi làm việc, chị H có mặt, anh T vắng mặt. Chị H có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho anh chị theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh T theo quy định tại khoản 3 Điều 210 và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa:

Chị H xin giải quyết vắng mặt. Anh T mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. HĐXX thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung:

Về tình cảm: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị H.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao con chung cháu Trần Quang D, sinh ngày 05/11/2018 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cháu Trần Khánh D1, sinh ngày 10/07/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 18; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội, buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đối với yêu chia tài sản chung, nợ chung do rút một phần yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trần Văn T có nơi cư trú tại thôn H, xã V, tỉnh Ninh Bình nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh T mặc dù được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị H và anh Trần Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/03/2018 tại UBND xã Y, huyện Ý, tỉnh Nam Định cũ, nay là xã V, tỉnh Ninh Bình. Đây là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn, anh chị sống hoà thuận được một thời gian đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, thiếu sự thông cảm, vị tha dẫn đến cuộc sống chung không hạnh phúc. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chủ động sống ly thân và kiên quyết xin ly hôn với anh T. Về phía anh T, mặc dù anh biết việc chị H xin ly hôn, đã được Toà án triệu tập để tham gia tố tụng, thông báo để hoà giải cho anh chị nhưng anh T vắng mặt. Điều đó chứng tỏ anh không còn thiết tha hàn gắn tình cảm với chị H nữa. Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh chị nhưng anh T vẫn vắng mặt. Chị H đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án, kiên quyết xin ly hôn nên Tòa án không thể hoà giải để gắn kết hạnh phúc cho anh chị được. Xét thấy, anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của chị H, xử cho anh chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Trần Quang D, sinh ngày 05/11/2018 và Trần Khánh D1, sinh ngày 10/07/2020. Việc chăm sóc, nuôi dạy con chung chưa thành niên là trách nhiệm, nghĩa vụ, là quyền lợi của cha mẹ. Xét thấy, kể từ khi sống ly thân anh T, chị H đã tự phân chia mỗi người nuôi dưỡng 01 con chung. Nguyện vọng của chị H cũng đề nghị Toà án tiếp tục giao mỗi người

nuôi dưỡng một con chung như hiện nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T đến Tòa án, UBND xã V để làm việc nhưng anh T đều vắng mặt nên không ghi nhận được quan điểm, nguyện vọng của anh T về vấn đề con chung. Thực tế cho thấy, hiện nay các con chung đều đang được anh T, chị H chăm sóc, nuôi dưỡng phát triển bình thường, ghi nhận ý kiến nguyện vọng của cháu D mong muốn được tiếp tục ở cùng anh T, cháu D1 hiện còn nhỏ tuổi, rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần thiết tiếp tục giao cháu D cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu D1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để các cháu được phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung: Năm 2021, chị H và anh T mua thửa đất số 150 thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 176m^2 tọa lạc tại thôn H, xã V, tỉnh Ninh Bình với giá 150.000.000 đồng, thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 387373 ngày 01/4/2021 mang tên anh Trần Văn T và chị Dương Thị H. Về nợ chung chị và anh T có vay em gái ruột chị H là chị Dương Thị N số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 10/03/2026, chị H có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn. Việc chị H rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 4, Điều 70; Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và Đình chỉ giải quyết đối với toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn của chị H. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại bằng một vụ án khác (nếu có). Trả lại chị Dương Thị H tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn nếu có yêu cầu.

Các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân: Các đương sự không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Đối với chị Dương Thị N: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn. Chị N cũng nhất trí và không có đơn yêu cầu độc lập đối với phần nợ chung, do vậy chị Như K tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Chị N được quyền khởi kiện bằng vụ án khác yêu cầu chị H, anh T trả số nợ nếu có căn cứ. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 18; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. .

Hoàn trả lại cho chị Dương Thị H số tiền 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0002974 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình do rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; khoản 4 Điều 70; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 3 Điều 18; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Dương Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung cháu Trần Khánh D1, sinh ngày 10/07/2020 cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung cháu Trần Quang D, sinh ngày 05/11/2018 cho anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó; Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại bằng một vụ án khác (nếu có). Trả lại chị H tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung khi ly hôn nếu có yêu cầu.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Dương Thị H phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002974 ngày 19/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Hoàn trả lại cho chị Dương Thị H 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Chị Dương Thị H và anh Trần Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã V, tỉnh Ninh Bình;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Thị Ngọc Bích